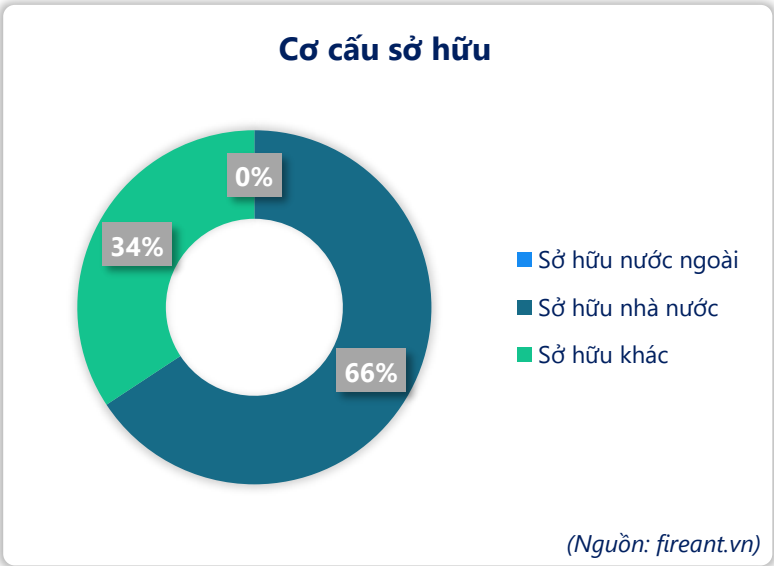
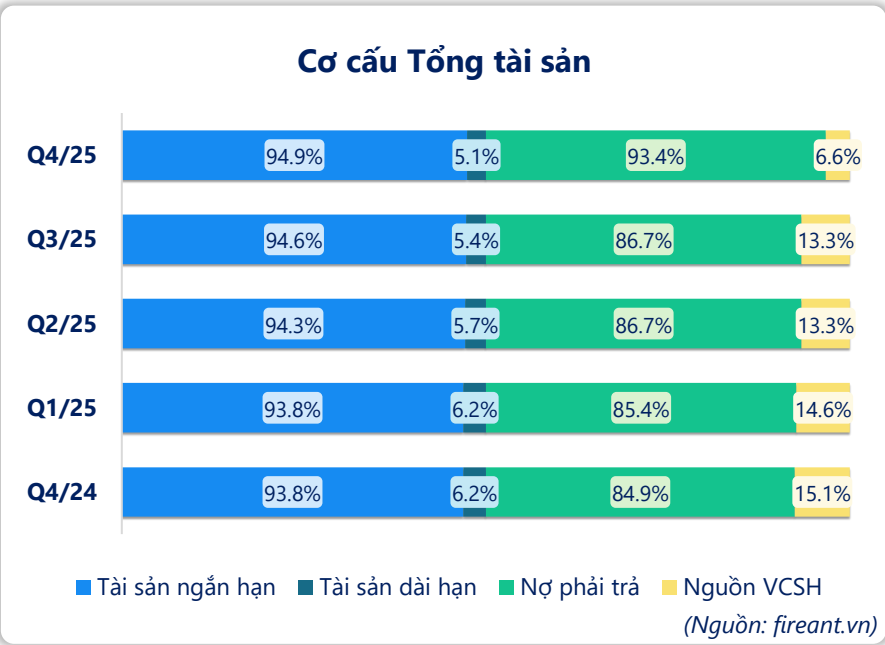
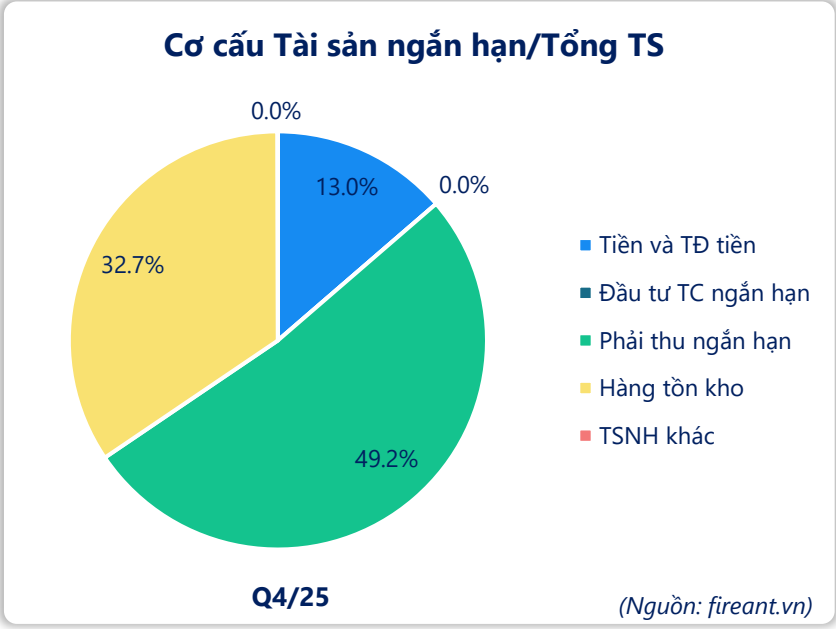
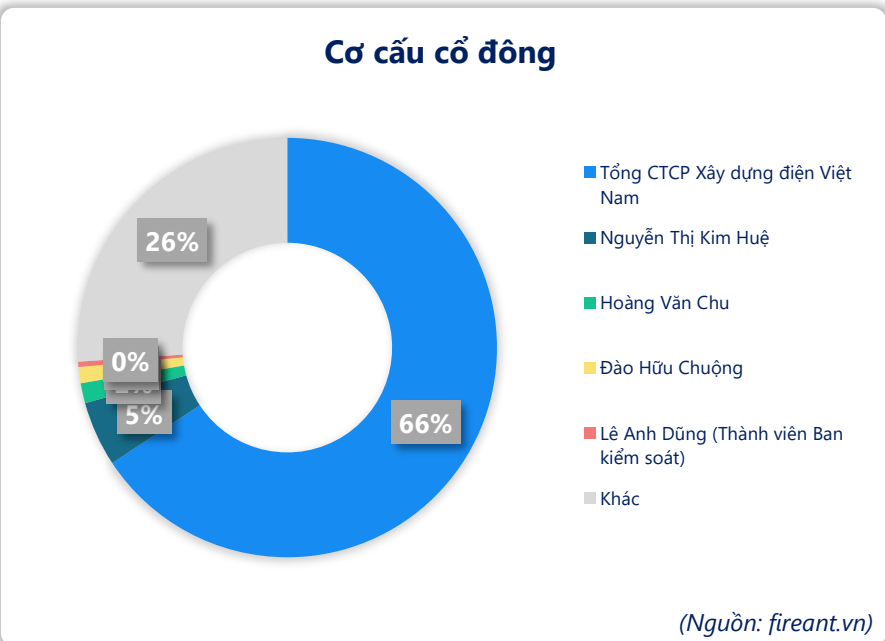
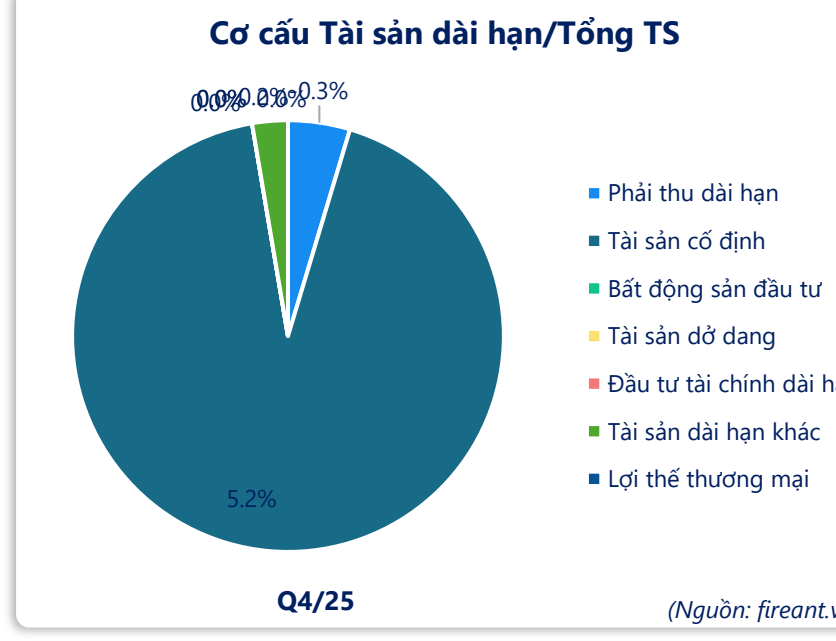
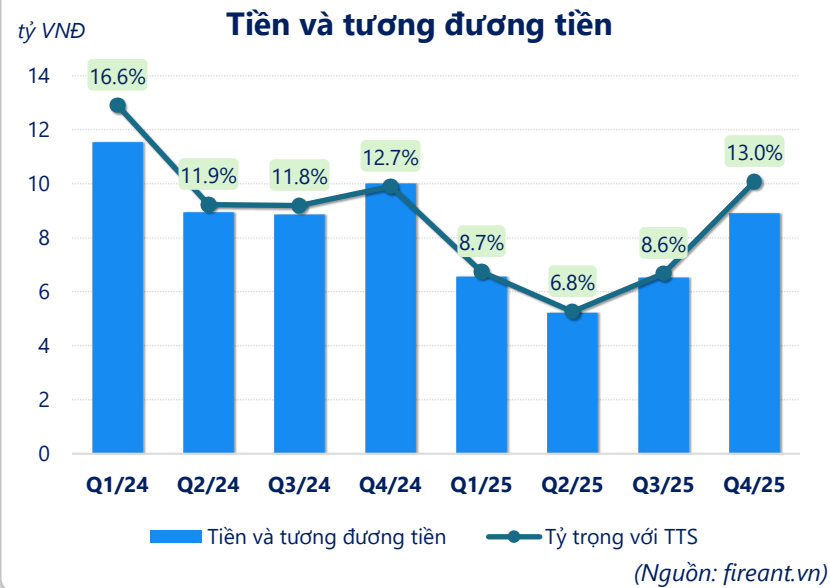
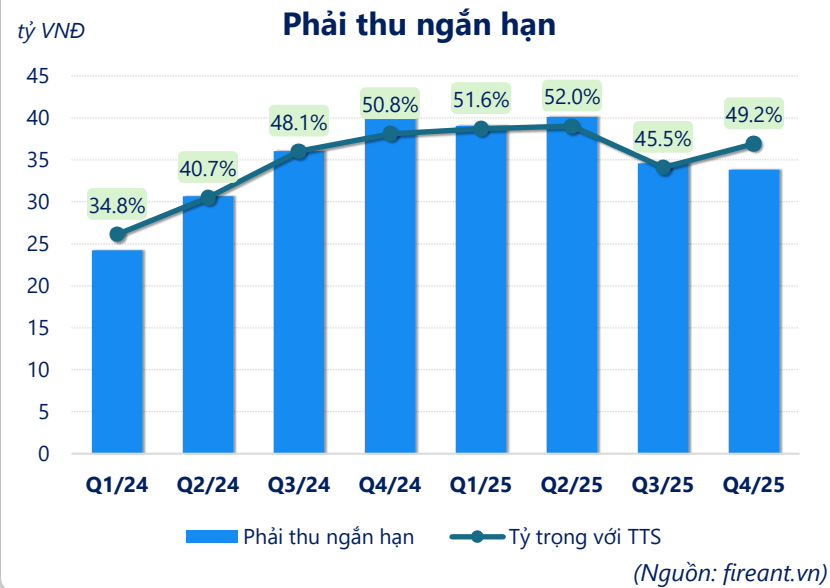
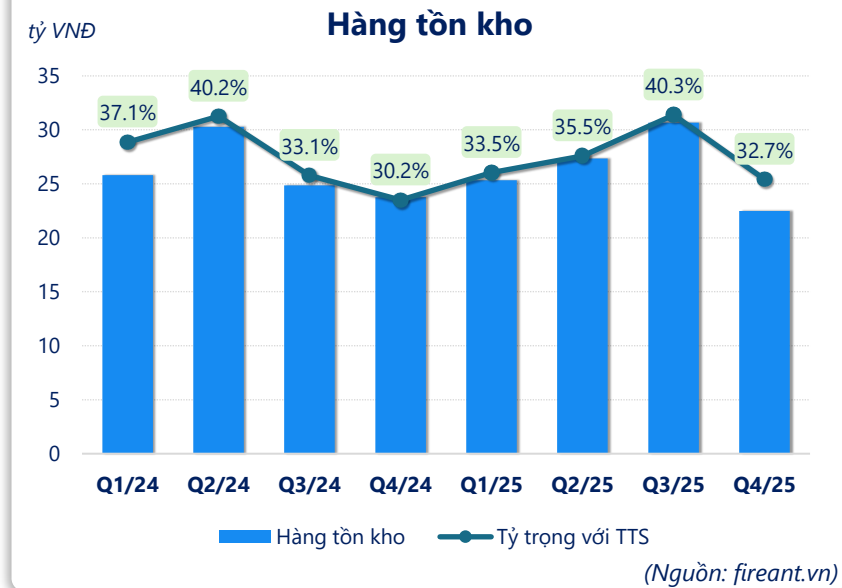
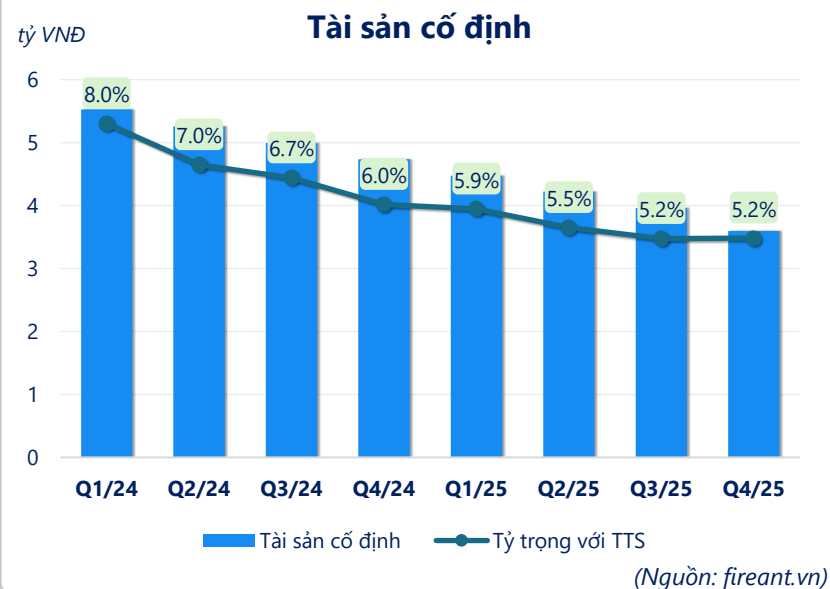
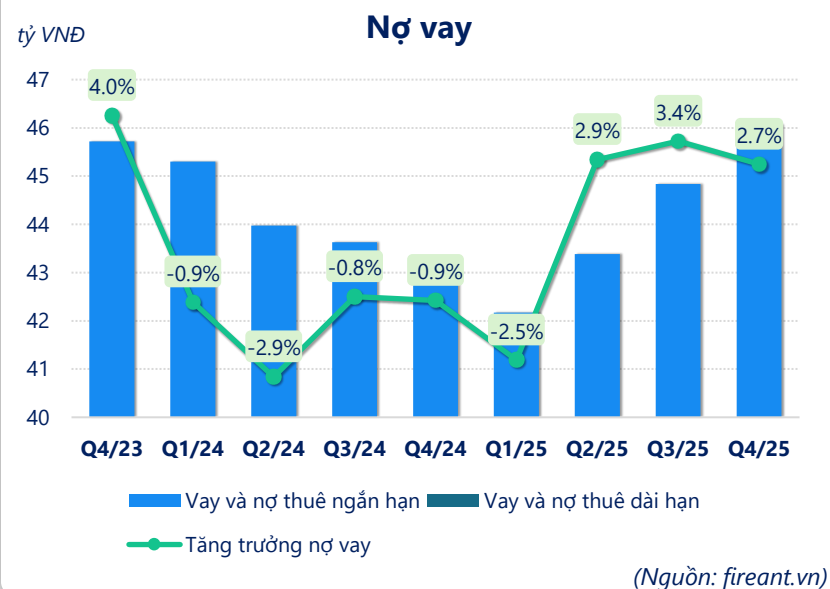
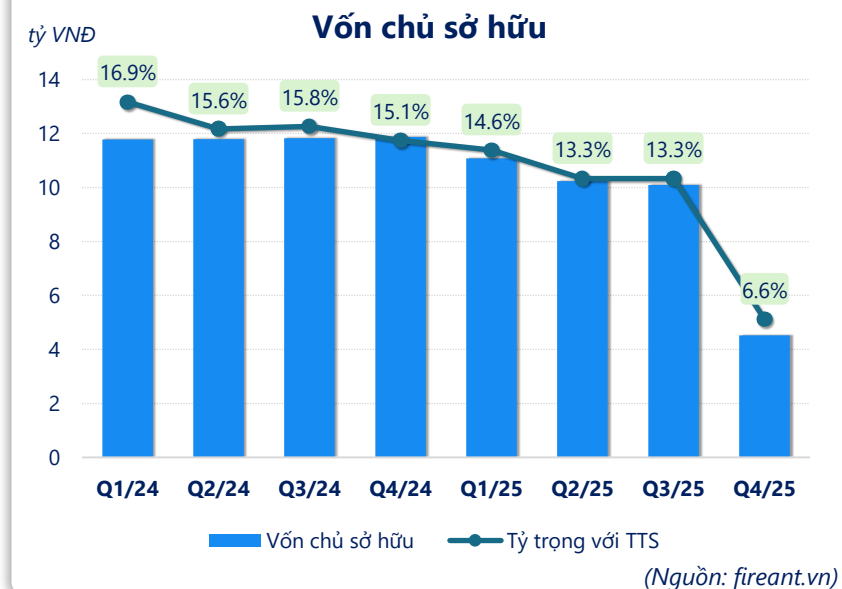
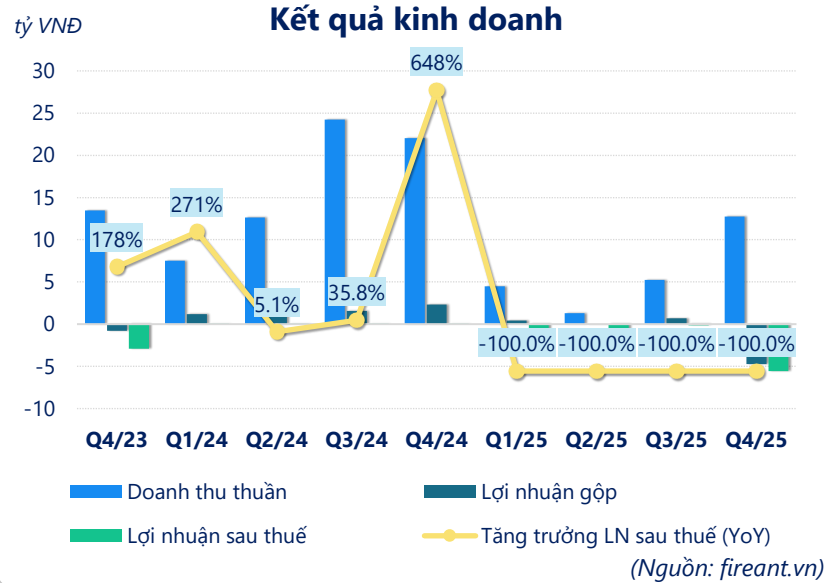
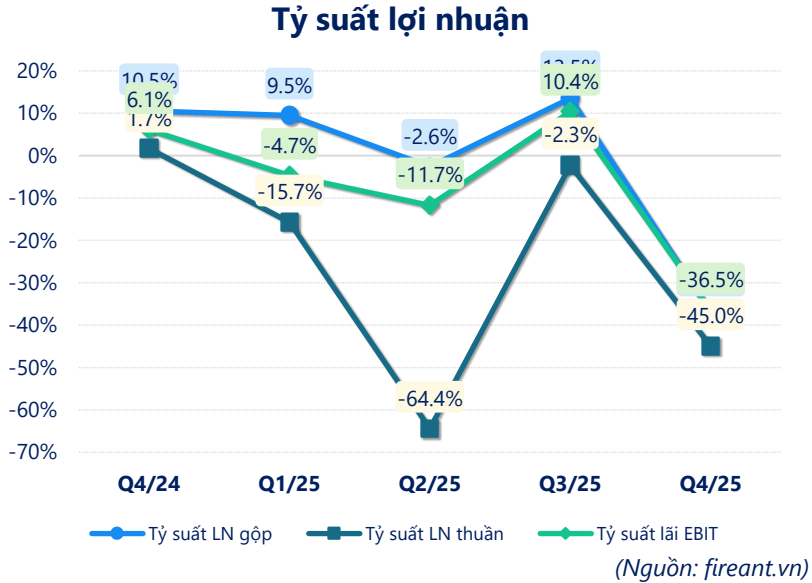
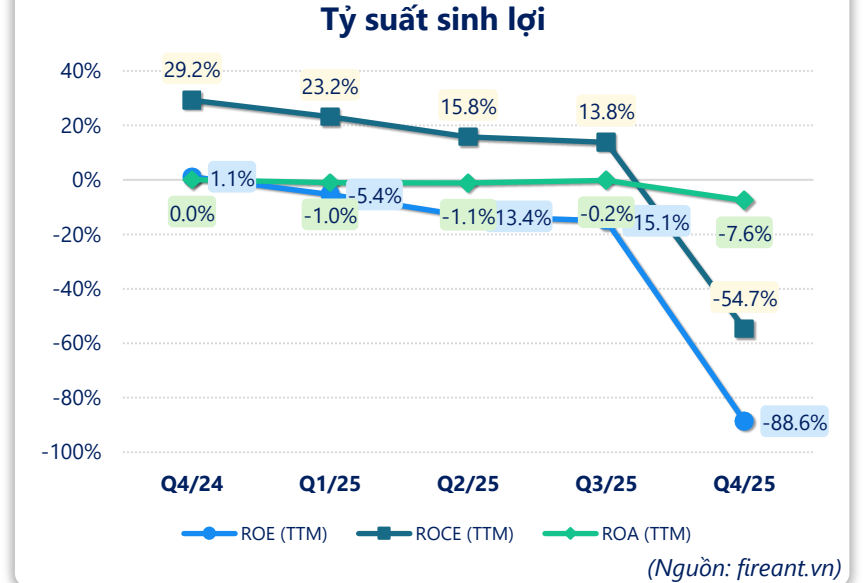
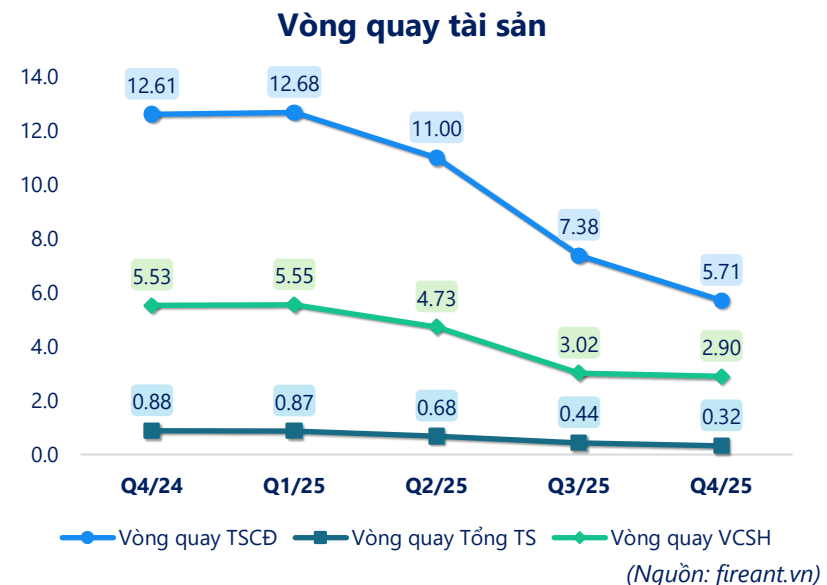
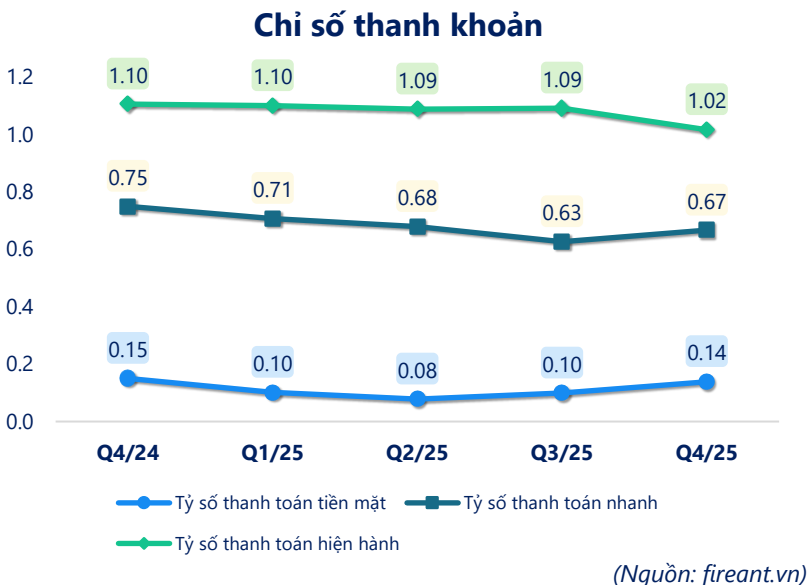
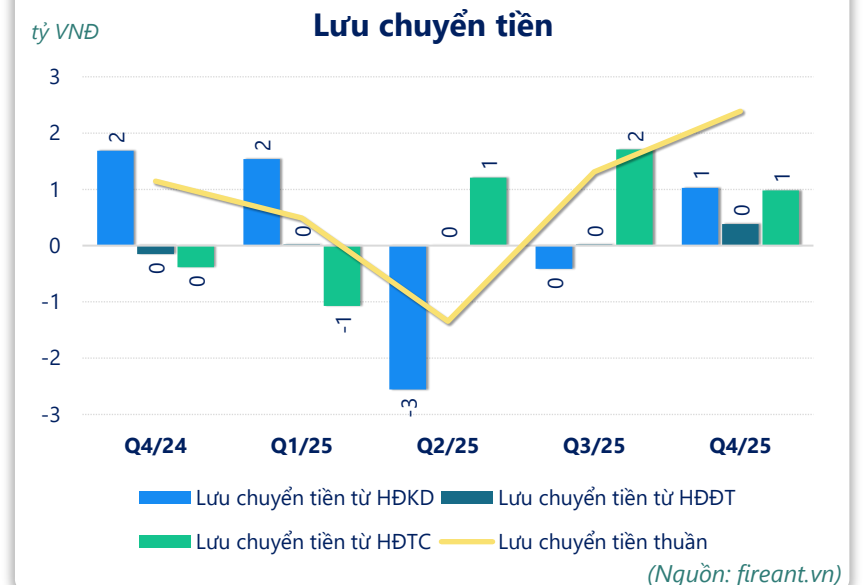


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		5,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,800
SL cổ phiếu LH		1,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		8,595
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		6
P/E		-0.8
EPS		-6,053

	YTD	1T	3T	6T
E12	-15.0%	-7.3%	-12.1%	-34.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	68.8	78.7	-12.6%
Tài sản ngắn hạn	65.2	73.8	-11.6%
Tiền và tương đương tiền	8.92	6.07	46.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	33.8	43.9	-23.0%
Hàng tồn kho	22.5	23.7	-5.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.02	0.03	-14.4%
Tài sản dài hạn	3.52	4.87	-27.8%
Phải thu dài hạn	-0.18	0	
Tài sản cố định	3.59	4.73	-24.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.10	0.14	-25.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	64.2	66.9	-3.9%
Nợ ngắn hạn	64.2	66.9	-3.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	46.1	43.2	6.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.7	12.4	2.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	4.52	11.8	-61.6%
Vốn chủ sở hữu	4.52	11.8	-61.6%
Vốn điều lệ	12.0	12.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	22.0	4.48	1.31	5.23	12.8
Giá vốn hàng bán	19.7	4.05	1.35	4.52	17.5
Lợi nhuận gộp	2.32	0.42	-0.03	0.71	-4.72
Doanh thu HĐTC	0.08	0.08	0.06	0.22	0.08
Chi phí TC	0.94	0.49	0.69	0.68	0.92
Chi phí lãi vay	0.94	0.49	0.69	0.68	0.92
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.22	0.16	0	0.06	0.01
Chi phí QLDN	0.87	0.55	0.18	0.31	0.17
LN thuần từ HĐKD	0.37	-0.71	-0.85	-0.12	-5.74
Lợi nhuận khác	0.03	0	0	-0.01	0.16
LN trước thuế	0.40	-0.71	-0.85	-0.13	-5.58
Lợi nhuận sau thuế	0.04	-0.71	-0.85	-0.13	-5.58
LNST của CĐ cty mẹ	0.04	-0.71	-0.85	-0.13	-5.58

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.68	1.54	-2.56	-0.41	1.02
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.15	0.02	0.00	0.02	0.38
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.39	-1.07	1.21	1.71	0.98
Tiền đầu kỳ	8.87	6.07	6.56	5.22	6.53
Lưu chuyển tiền thuần	1.14	0.49	-1.34	1.31	2.39
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	10.0	6.56	5.22	6.53	8.92

(Nguồn: fireant.vn)